TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 568/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2026
V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Phương Trang;
2. Ông Nguyễn Hữu Trí.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Khánh Linh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hạnh N - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 394/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thùy T, sinh năm: 1977, CCCD: 080177009133; địa chỉ: Ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Vưu Trường G, sinh năm: 1975, CCCD: 095075014186; địa chỉ: Số nhà A Tỉnh lộ 10, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T và ông G có đơn đề nghị xét xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Phan Thị Thùy T và bản tự khai của các đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn – bà Phan Thị Thùy T trình bày: Vợ chồng ông bà chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau và

do tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Vưu Trường G là vợ chồng. Hai ông bà có 02 con chung tên Vưu Trường S, sinh ngày 08/01/1997 (đã trưởng thành) và Vưu Trường L, sinh ngày 31/8/2002 (đã trưởng thành). Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Bị đơn – ông Vưu Trường G trình bày: Ông xác nhận thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của bà T. Hai ông bà chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn và nay bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông G là vợ chồng thì ông cũng đồng ý và thống nhất về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác. Về con chung: có 02 con chung tên Vưu Trường S, sinh ngày 08/01/1997 (đã trưởng thành) và Vưu Trường L, sinh ngày 31/8/2002 (đã trưởng thành). Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Thùy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn – bà Phan Thị Thùy T xin ly hôn với ông Vưu Trường G. Ông G cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn – bà Phan Thị Thùy T và bị đơn – ông Vưu Trường G có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Thùy T đối với ông Vưu Trường G. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông G sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn để được công nhận là vợ chồng. Theo khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này

chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…" và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Do bà T và ông G không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân của hai ông bà. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không công nhận bà Phan Thị Thùy T và ông Vưu Trường G là vợ chồng.

[4] Về con chung: Hai ông bà xác nhận có 02 con chung tên Vưu Trường S, sinh ngày 08/01/1997 và Vưu Trường L, sinh ngày 31/8/2002. Cả hai con đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét vấn đề người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Hai ông bà xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị Thùy T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019312 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Thùy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Thùy T và ông Vưu Trường G là vợ chồng.

2. Về con chung: Hai ông bà xác nhận có 02 con chung tên Vưu Trường S, sinh ngày 08/01/1997 và Vưu Trường L, sinh ngày 31/8/2002. Cả hai con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Hai ông bà xác nhận không có.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Thùy T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019312 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phan Thị Thùy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bà Phan Thị Thùy T và ông Vưu Trường G vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Yến